TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST.
Ngày: 22 - 9 - 2022.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐST-DS, ngày 11/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ:169, phố L, phường H, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hải A - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S .Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Âu: Bà Trần Thị H- Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S (có mặt).Theo Quyết định ủy quyền số 80/UQ-NHCS, ngày 07/7/2021.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hải A: Bà Trần Thị H trình bày:

Khoản vay thứ nhất: Vào ngày 28/7/2009 phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Trần Quốc T vay 8.000.000 đồng, mục đích sử dụng chi phí xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 10,8%/năm, lãi quá hạn 14,04%/năm, thời hạn vay 60tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/7/2014, số dư nợ đến ngày 17/5/2022 là 4.000.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 16; tuy nhiên, ông Trần Quốc T không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 17/5/2022 ông Tuấn còn nợ vốn gốc 4.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 17/5/2022 là 9.263.925 đồng.

Khoản vay thứ hai: Vào ngày 28/7/2009 phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Trần Quốc T vay 6.000.000 đồng, mục đích sử dụng chăn nuôi heo, lãi suất 7,8%/tháng, lãi quá hạn 14,14%/năm, thời hạn vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/7/2012, số dư nợ đến ngày 17/5/2022 là 6.000.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 16; tuy nhiên, ông Trần Quốc T không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 17/5/2022 ông Tuấn còn nợ vốn gốc 6.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 17/5/2022 là 3.690.096 đồng.

Nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông Trần Quốc T trả số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay tổng cộng là 22.954.021 đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 17/5/2022 là 12.954.021 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Quốc T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm H:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn,người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quanhợp lệ, nhưng đến nay người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan văng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn vàngười có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, cụ thể yêu cấu ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Cẩm H trả tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 17/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2022. Xét thấy, việc thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, theolời trình bày của nguyên đơn là:Khoản vay thứ nhất: Vào ngày 28/7/2009 phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Trần Quốc T vay 8.000.000 đồng, mục đích sử dụng chi phí xây dựng công rtình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 10,8%/năm, lãi quá hạn 14,04%/năm, thời hạn vay 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/7/2014, số dư nợ đến ngày 17/5/2022 là 4.000.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 16; tuy nhiên, ông Trần Quốc T không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 17/5/2022 ông Tuấn còn nợ vốn gốc 4.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 17/5/2022 là 9.263.925 đồng.

Khoản vay thứ hai: Vào ngày 28/7/2009 phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh S có cho ông Trần Quốc T vay 6.000.000 đồng, mục đích sử dụng chăn nuôi heo, lãi suất 7,8%/tháng, lãi quá hạn 14,14%/năm, thời hạn vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/7/2012, số dư nợ đến ngày 17/5/2022 là 6.000.000 đồng. Theo thỏa thuận 12 tháng trả tiền gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 16; tuy nhiên, ông Trần Quốc T không thực hiện đúng theo hợp đồng, đến ngày 17/5/2022 ông Tuấn còn nợ vốn gốc 6.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 17/5/2022 là 3.690.096 đồng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; sổ vay vốn được thể hiện số tiền bị đơn có vay 02 khoản tổng cộng số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và bảng chiết tính nợ vay và lãi và yêu cầu bị đơn Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Cẩm H phải trả cho Ngân hàng tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2022 là 12.954.021 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 22.954.021 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, nên lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: "*Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*" và tại mục 2 của sổ vay vốn, thì bà Huỳnh Thị

Cẩm H có mối quan hệ là vợ là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông Tuấn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm ông Tuấn được giải ngân tiền vay, thì ông Tuấn và bà Hường là vợ của ông Tuấn vay tiền mục đích sử dụng là chi phí sử dụng công trình nước sạch và vệ sinh và chăn nuôi heo, nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu và phát triển kinh tế gia đình, bà Hường còn là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông Tuấn. Do đó, bà Hường phải có nghĩa vụ cùng ông Tuấn trả nợ vay cho Ngân hàng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Tuấn và bà Hường trả vốn vay và tiền lãi còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022), tổng cộng vốn và lãi là: 22.954.021 đồng. Trong đó tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 12.954.021 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng, tuy nhiên, ông Tuấn, bà Hường vay thuộc đối tượng vay chương trình hộ nghèo, nên ông Tuấn, bà Hường được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân.

- Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Cẩm H trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2022 là 22.954.021 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 10.000.000 đồng.

- Lãi:12.954.021 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 22.954.021 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Cẩm H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối vớibị đơn,người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn